THUYẾT MINH NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NĂM 2006

--------------

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | NỘI DUNG CẦN SỬA ĐỔI, BỒ SUNG | LÝ DO | PHƯƠNG ÁN SỬA |
| **1** | **Quy định về các luồng chuyển giao công nghệ** |  Ngày 05 tháng 12 năm 1988 Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh về chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam.  Năm 1995, chuyển giao công nghệ được quy định tại Bộ Luật Dân sự và quy định chung cả chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước và chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.  Năm 2006 Luật Chuyển giao công nghệ được ban hành quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ, tuy nhiên các quy định vẫn chỉ tập trung vào chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chính vì vậy trong các quy định chưa thể hiện đặc thù của từng luồng. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam đóng vai trò quan trọng nhưng không phải là duy nhất, để không quá lệ thuộc vào công nghệ từ nước ngoài, đồng thời thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước, khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là những vấn đề cần phải được nghiên cứu để quy định cụ thể hơn trong Luật CGCN.  Thực tế quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ thời gian qua cho thấy, phần lớn hợp đồng CGCN được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp xác nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ là hợp đồng CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam và tập trung nhiều nhất ở loại hình doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Để đảm bảo tránh thất thu thuế, Bộ KH&CN đề xuất đưa ra nguyên tắc chuyển giao công nghệ đối với từng luồng để đảm bảo tính đặc thù và tránh hiện tượng chuyển giá qua chuyển giao công nghệ. | Bổ sung thêm 1 Điều về các luồng chuyển giao công nghệ, trong đó quy định rõ từng luồng chuyển giao :1. *Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam*
* *CGCN qua các dự án FDI (dưới dạng góp vốn thành lập liên doanh hoặc thực hiện Hợp đồng HTKD theo Luật Đầu tư).*
* *Mua công nghệ trên cơ sở hợp đồng.*
1. *Chuyển giao công nghệ trong nước*
* *Nhà nước khuyến khích chuyển giao các kết quả nghiên cứu KH& phát triển công nghệ vào sản xuất.*
* *Đối với việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thì ngoài việc tuân thủ theo Nghị định này còn phải tuân thủ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.*
1. *Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài*

*Đối với công nghệ được tạo ra bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, khi chuyển giao ra nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam.*  |
| **2** | **Phương thức quản lý đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ****(***Sửa khoản 1 Điều 25 và bổ sung thêm khoản 4 Điều 25***)** | * Giai đoạn đầu thực hiện Pháp lệnh CGCN, đối với các hợp đồng CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam, Nhà nước quản lý rất chặt chẽ từ nội dung chuyển giao, giá cả công nghệ và thời hạn chuyển giao.

Đến 2006, Luật CGCN ra đời trên cơ sở tạo thuận lợi tối đa cho các bên trong hoạt động chuyển giao công nghệ, nhà nước không khống chế giá chuyển giao, thời hạn chuyển giao, đồng thời phương thức quản lý cũng mở tối đa, chỉ đối với những công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao nhà nước mới quản lý chặt chẽ thông qua hình thức chấp thuận chuyển giao và cấp phép chuyển giao công nghệ, còn đối với công nghệ chuyển giao thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao và chuyển giao công nghệ khác thì các bên có quyền đăng ký hay không đăng ký. Điều này dẫn đến việc cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ không nắm được các công nghệ chuyển giao, đồng thời tạo kẽ hở để doanh nghiệp thực hiện việc chuyển giá qua chuyển giao công nghệ. Xuất phát từ thực tế trên, Bộ KH&CN đề xuất thay đổi phương thức từ tự nguyện đăng ký sang bắt buộc phải đăng ký. * Về chế độ báo cáo: Theo Luật CGCN năm 2006 chỉ có Hợp đồng CGCN thuộc diện cấp phép và Hợp đồng CGCN được cấp Giấy chứng nhận đăng ký có sử dụng vốn nhà nước với tỷ lệ 51% trở lên mới phải báo cáo tình hình thực hiện CGCN hằng năm. Nếu quy định như Luật CGCN năm 2006 thì không quản lý được tình hình thực hiện hợp đồng CGCN của các tổ chức, cá nhân tiếp nhận và chuyển giao công nghệ. Do vậy Bộ KH&CN đề xuất đối với các hợp đồng CGCN đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng CGCN và thời gian thực hiện được trên 1 năm thì hằng năm phải thực hiện chế độ báo cáo.

  | * Đối với Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (trong dự thảo sửa là Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện), không thay đổi, vẫn giữ hình thức chấp thuận và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.
* *Đối với chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích và các công nghệ còn lại, đề nghị phải thực hiện đăng ký, gồm:*

*+ CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam phải đăng ký hợp đồng CGCN.**+ CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài phải đăng ký.**+ CGCN trong nước.**Hình thức đăng ký, nội dung, quy trình sẽ được Chính phủ hướng dẫn cụ thể theo hướng đơn giản, thuận tiện nhất cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.*  |
| **3** | **Về đối tượng chuyển giao công nghệ****(Điều 7)** | Hiện nay khái niệm công nghệ đã được mở rộng sang cả lĩnh vực dịch vụ, do vậy, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung thêm 1 điểm vào khoản 1 của Điều 7  | Bổ sung thêm điểm (d) khoản 1 Điều 7 như sau: “d) *Các dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ theo yêu cầu, cam kết trong hợp đồng chuyển giao công nghệ”.* |
| **4** | **Về Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (Điều 10)** | Do Điều 10 theo Luật CGCN năm 2006 gây cách hiểu không rõ ràng nên Bộ KH&CN đề xuất sửa lại cho rõ và tên điều cũng điều chỉnh lại là Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện cho đúng với bản chất của Danh mục này  | Điều 10 được sửa đổi như sau: **“Điều 10. Công nghệ *chuyển giao có điều kiện******Công nghệ chuyển giao phải đáp ứng những điều kiện nhất định nhằm bảo đảm không ảnh hưởng đến*:** 1. ***Lợi ích quốc gia;***
2. ***Sức khỏe con người;***
3. ***Giá trị văn hóa dân tộc;***
4. ***Đa dạng sinh học và môi trường*;**
5. **Việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”***
 |
| **5** | **Về hình thức chuyển giao ( Điều 12)** | Từ thực tế triển khai, Bộ KH&CN đề nghị bổ sung Hợp đồng EPC vào khoản 2 Điều 12 về chuyển giao công nghệ trong các dự án và hợp đồng để đảm bảo bao quát hết các hình thức chuyển giao. |  |
| **6** | **Về nội dung hợp đồng CGCN (Điều 15)** | Do đặc thù của hợp đồng CGCN, cần thiết bổ sung nội dung về thời hạn của hợp đồng CGCN  | Điểm 7 của Điều 15 bổ sung, sửa đổi như sau:“7. Thời điểm, thời hạn hiệu lực và *thời hạn của hợp đồng CGCN*”. |
| **7** | **Về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng CGCN (Điều 19)** | Do thay đổi phương thức quản lý nên quy định về hiệu lực của hợp đồng CGCN cũng cần phải thay đổi cho phù hợp. | Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng CGCN thuộc diện đăng ký thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ *được tính từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng CGCN.* |
| **8** | **Về tổ chức dịch vụ CGCN** | Do đặc thù thù của hàng hóa công nghệ nên ngoài dịch vụ giám định công nghệ, đề xuất đưa dịch vụ đánh giá công nghệ và định giá công nghệ là loại hình kinh doanh có điều kiện. Luật Đầu tư đã quy định tại Phụ lục IV | Bổ sung thêm 1 Điều quy định về hoạt động định giá công nghệ, đánh giá công nghệ cho phù hợp với Luật Đầu tư |
| **9** | **Về phát triển thị trường công nghệ****(Điều 34)** | Nhằm thúc đẩy thương mại hóa công nghệ, đẩy mạnh việc ứng dụng kết quả nghiên cứu KH và phát triển CN vào sản xuất, Bộ đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 34 về phát triển thị trường KH&CN, trong đó tập trung vào việc xây dựng chính sách thúc đẩy nhu cầu về công nghệ; phát triển nguồn cung công nghệ; phát triển các tổ chức dịch vụ và tổ chức thúc đẩy chuyển giao công nghệ và phát triển hạ tầng đồng bộ cho các hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ. | Khoản 1 Điều 34 được sửa như sau: 1. Nhà nước bảo đảm tập trung nguồn lực để phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo các hình thức sau đây:
	1. Thúc đẩy nhu cầu công nghệ
	2. Phát triển nguồn cung công nghệ
	3. Phát triển các tổ chức dịch vụ và tổ chức thúc đẩy CGCN.
	4. Phát triển hạ tầng đồng bộ cho các hoạt động của thị trường KH&CN
 |
| **10** | **Về Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia****(Điều 39)** | Một số hoạt động chưa được quy định trong Luật KH&CN nhưng thực tế rất cần sự hỗ trợ, khuyến khích của nhà nước, thông qua Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia, các tổ chức có thể tiếp cận các khoản hỗ trợ, cụ thể là:* Hỗ trợ việc hình thành cụm sản xuất, kinh doanh, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức KH&CN trong nước và nước ngoài.
* Hỗ trợ ban đầu cho việc hình thành và phát triển các cơ sở hỗ trợ đăng ký sáng chế, khai thác sáng chế, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ở các trường đại học và các Viện nghiên cứu,
 | Bổ sung thêm 3 điểm vào khoản 1 Điều 39 như sau: đ) Khuyến khích và hỗ trợ việc hình thành cụm sản xuất, kinh doanh, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài;e) Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách mua sắm của chính phủ hỗ trợ cho sản phẩm mới, dịch vụ mới trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ của các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân ở trong nước.f) Khuyến khích và hỗ trợ đầu tư ban đầu cho việc hình thành và phát triển các cơ sở hỗ trợ đăng ký sáng chế, khai thác sáng chế, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ ở các trường đại học và các viện nghiên cứu.  Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích. |
| **11** | **Chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước****(Điều 40)** | Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đã quy định về quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước khác với Luật CGCN, để thống nhất quy định giữa Luật Khoa học và Công nghệ với Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất sửa Điều 40 của Luật CGCN theo tinh thần của Luật Khoa học và Công nghệ.Để thúc đẩy việc ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu KH và phát triển CN, đề xuất thành lập các Trung tâm chuyển giao công nghệ tại các Viện, Trường để thực hiện việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.  | Điều 40 được sửa đổi như sau: *“*1. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có nghĩa vụ giám sát, đánh giá và lập báo cáo về tình hình chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước.3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có quyền yêu cầu tổ chức được giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước định kỳ báo cáo về tình hình chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ.4. Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước.5. Kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước chuyển giao hoặc thương mại hóa chỉ cho người sử dụng hoặc sản xuất trên lãnh thổ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.6. Thành lập các Trung tâm hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu để thực hiện hoạt động thương mại hóa công nghệ, đẩy nhanh việc ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh. |
| **12** | **Phân chia thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước****(Điều 42)** | Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đã quy định về phân chia thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước, để thống nhất quy định giữa Luật Khoa học và Công nghệ với Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất sửa Điều 42 của Luật CGCN theo tinh thần của Luật KH&CN. | Điều 42 được sửa đổi như sau: Việc phân chia thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản thi hành Luật**.** |
| **13** | **Về việc góp vốn bằng chuyển giao công nghệ****(Điều 43)** | Trong Luật CGCN năm 2006 có quy định về việc góp vốn bằng CGCN trong dự án đầu tư nhưng không quy định đối với trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước. Do vậy, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung thêm quy định về định giá phần góp vốn bằng chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước | Điều 43 được sửa đổi như sau: “Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 8 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 được quyền góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư. *Trong trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước thì giá trị công nghệ đưa vào góp vốn phải được định giá bởi một tổ chức định giá công nghệ độc lập/được chỉ định.* |
| **14** | **Về quy định miễn thuế thu nhập nhập cho tổ chức, cá nhân góp vốn bằng Bằng sáng chế, công nghệ** **(Khoản 1 Điều 43)** | Trước đây, để khuyến khích việc góp vốn bằng Bằng sáng chế, công nghệ, Luật quy định miễn thuế thu nhập cho tổ chức, cá nhân góp vốn bằng Bằng sáng chế, công nghệ, tuy nhiên, có một số chuyên gia cho rằng hiện nay việc các Tập đoàn nước ngoài góp vốn bằng Bằng sáng chế, công nghệ có giá trị rất lớn, nếu cho miễn thuế thì Nhà nước sẽ thất thu, do vậy đề nghị bỏ quy định này. Tuy nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ thấy rằng đối với chuyển giao công nghệ trong nước thì cần khuyến khích việc góp vốn bằng Bằng sáng chế, công nghệ, do vậy, chỉ nên bỏ quy định này đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.  | Khoản 1 Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau:Quy định miễn thuế thu nhập đối với góp vốn bằng công nghệ *có giá trị từ 1 tỷ đồng trở xuống.* |
| **15** | **Trách nhiệm của Chính phủ** | Sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 51 theo hướng cụ thể hóa trách nhiệm của Chính phủ đối với việc quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ và giao Thủ tướng Chính phủ ban hành các Danh mục công nghệ. | Khoản 4 và khoản 5 được sửa như sau: “*4. Chính phủ quy định cụ thể nội dung chuyển giao công nghệ, phương thức quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài vào Việt Nam.* Phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ”.“*5. Giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao. Đối với việc nhập khẩu, chuyển giao và sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng trường hợp cụ thể”.* |
| **16** | **Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ** **(Điều 52**) | * Sửa đổi khoản 3 cho phù hợp với đề xuất Thủ tướng Chính phủ banh hành Danh mục công nghệ.
 | Khoản 3 Điều 52 được sửa đổi như sau: “3.Xây dựng Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao trình *Thủ tướng Chính phủ ban hành*”. |
| **17** | **Ngoài ra, có một số thuật ngữ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật KH&CN năm 2013**  | * Sửa đổi một số thuật ngữ cho phù hợp với các Luật có liên quan.

  | * Bổ sung thêm thuật ngữ:

+ Giải mã công nghệ;+ Hoạt động đổi mới công nghệ;+ Tổ chức hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ. |